

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2025
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Bá Truyền;
- Bà Nguyễn Thuý Thuý Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Thuý Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1990 – Có mặt;

Địa chỉ: khóm Đ, phường Đ, thị xã B (nay là khóm Đ, phường Đ), tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Hữu P - Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V (Theo Thông báo số 23/TB-Cty ngày 23/6/2025).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành Q, sinh năm 1984 – Có mặt;

Địa chỉ: khóm Đ, phường Đ, thị xã B (nay là khóm Đ, phường Đ), tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2024 và đơn khởi kiện (sửa đổi, bổ sung) ngày 23 tháng 6 năm 2025, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D trình bày:*

Chị Lê Thị Ngọc D và anh Nguyễn Thành Q quen biết nhau thông qua mai mối, sau thời gian tìm hiểu thì được sự đồng ý của gia đình hai bên nên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B (nay là phường Đ), tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 25/01/2008.

Thời gian đầu chị D và anh Q sinh sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do anh Q không lo làm ăn, không lo lắng chăm sóc cho vợ, con nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cả hai sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành Q.

Về con chung, có 02 con chung:

1. Nguyễn Thanh Ngọc D1, sinh ngày 21/12/2009;
2. Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 03/9/2015.

Chị D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thanh Ngọc D1 và Nguyễn Hoàng P1, 02 con chung hiện do chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng với số tiền là 4.000.000 đồng/01 tháng/02 con chung (2.000.000 đồng/01 tháng/01 con chung).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản hoà giải ngày 18 tháng 6 năm 2025 anh Nguyễn Thành Q trình bày:* Anh Q không đồng ý với lời trình bày của chị D về lý do ly hôn, anh Q vẫn lo làm ăn và lo cho vợ con. Đối với yêu cầu ly hôn của chị D thì anh Q không đồng ý ly hôn do anh Q còn thương vợ thương con. Trường hợp chị D vẫn cương quyết muốn ly hôn thì anh Q xin được quyền nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thanh Ngọc D1 và Nguyễn Hoàng P1, không yêu cầu chị D

cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Toà:

+ *Chị Lê Thị Ngọc D trình bày:* Chị D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành Q. Không đồng ý giao 02 con chung cho anh Q nuôi dưỡng, bởi các lý do: Hai con chung hiện đang sống ổn định bên chị D, do chị D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc từ lúc ly thân cho đến nay, cả hai con chung đều có nguyện vọng muốn sống cùng chị D. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 3.860.000đồng/01 tháng/02 con chung (tức là 1.930.000đ/01 con/01 tháng). Thời điểm yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Anh Nguyễn Thành Q trình bày:* Anh Q đồng ý ly hôn với chị D, không đồng ý giao 02 con chung cho chị D nuôi dưỡng, bởi các lý do: Chị D không có nhà cửa, không có việc làm, không đủ điều kiện nuôi con. Anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp, giao con cho chị D nuôi thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung như yêu cầu của chị D, về mức cấp dưỡng mỗi tháng là 3.860.000đồng/01 tháng/02 con chung (tức 1.930.000đ/01 con/01 tháng) thì anh Q không có ý kiến. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Lê Hữu P trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D:

+ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh Q.

+ Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Nguyễn Thanh Ngọc D1, sinh ngày 21/12/2009 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 03/9/2015 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của 02 con chung, chị D đủ điều kiện nuôi con, cháu P1 đang vào học lớp 5 tại trường học gần nhà chị D.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Xem xét chấp nhận việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng với số tiền là 3.860.000 đồng/01 tháng/02 con chung (1.930.000 đồng/01 tháng/01 con).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2025; Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc D.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc D ly hôn với anh Nguyễn Thành Q.

- Về con chung: Giao Nguyễn Thanh Ngọc D1, sinh ngày 21/12/2009, Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 03/9/2015, cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Thành Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.930.000đồng/tháng cho mỗi cháu cho đến khi cháu D1 và cháu P1 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ theo niên lai số 0012962 ngày 24/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Vĩnh Long). Buộc anh Nguyễn Thành Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của đương sự. Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long) đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Bị đơn có nơi cư trú tại khóm Đ, phường Đ, thị xã B (nay là phường Đ), tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long).

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Ngọc D và anh Nguyễn Thành Q có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị D và anh Q có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không còn tình cảm và chăm lo cho nhau. Chị D và anh Q đã ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần, nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên Toà, chị Lê Thị Ngọc D và anh Nguyễn Thành Q thuận tình ly hôn, nên ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc D và anh Nguyễn Thành Q theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Thanh Ngọc D1, sinh ngày 21/12/2009 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 03/9/2015, hiện 02 con chung do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, quản lý.

- Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung: Nguyễn Thanh Ngọc D1, sinh ngày 21/12/2009 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 03/9/2015, đồng thời yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.930.000 đồng/01 con/01 tháng. Anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Xét yêu cầu nuôi con chung của chị D và anh Q, nhận thấy: Chị D đang làm việc tại Công ty T thuộc Khu công nghiệp B gần nhà, lương 7.000.000 đồng/tháng. Anh Q đang làm việc tại Công ty B, có cung cấp sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng thể hiện thu nhập do chuyển lương tháng 01 năm 2025 số tiền 11.386.730 đồng. Chị D và anh Q đều có đủ điều kiện ổn định để nuôi dưỡng 02 con chung. Tuy nhiên, từ thời điểm sống ly thân cho đến nay chị D vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị D vẫn đảm bảo việc nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho 02 con, đời sống của các con đang ổn định. Các con đang trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý, việc thay đổi chỗ ở, môi trường sinh hoạt ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển về tình cảm, tâm sinh lý của các con. Mặt khác, cả hai con chung là D1 và P1 đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

Do đó, tiếp tục giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Nguyễn Thanh Ngọc D1 và Nguyễn Hoàng P1 cho chị D là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “...Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Đối với yêu cầu cấp dưỡng cho 02 con chung của chị D là có cơ sở chấp nhận bởi: Ngọc D1 và Hoàng P1 đều là con chung của chị D và anh Q, anh Q không phải là người trực tiếp nuôi dưỡng, do đó anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị D yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng 02 con chung mỗi tháng là 1.930.000 đồng/01 con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Do đó, buộc anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.930.000 đồng/01 con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Thời điểm cấp dưỡng, từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh Q không yêu cầu giải quyết, để anh, chị tự thỏa thuận, không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Ngọc D phải chịu số tiền án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền số 0012962, ngày 24/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Vĩnh Long), chị D không phải nộp thêm. Buộc anh Nguyễn Thành Q nộp án phí 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: Dương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2025. Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc D.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Ngọc D với anh Nguyễn Thành Q.

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung là Nguyễn Thanh Ngọc D1, sinh ngày 21/12/2009 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 03/9/2015 cho chị Lê Thị Ngọc D được quyền nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thành Q có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Buộc anh Nguyễn Thành Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.930.000 đồng/01 con. Thời điểm cấp dưỡng, từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh Q không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc chị Lê Thị Ngọc D phải chịu số tiền án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền số 0012962, ngày 24/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Vĩnh Long), chị D không phải nộp thêm.

- Buộc anh Nguyễn Thành Q nộp án phí 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên Toà, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 3 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 3 - Vĩnh Long;
- UBND xã Đông Bình (nay là phường Đông Thành);
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh Thiết